

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST

Ngày: 03/4/2025

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

2. Bà Lê Thị Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 và ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 269/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958, (có mặt);

*Người đại diện theo ủy quyền của ông N:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T2:* Anh Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (có mặt);

2. Anh Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1982, (có mặt);
3. Chị Hà Thị Mỹ X, sinh năm 1983, (có đơn xin vắng mặt);
4. Cháu Nguyễn Tuấn P, sinh năm 2008;
5. Cháu Nguyễn Hà M, sinh năm 2012;

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Tuấn P và Nguyễn Hà M là:  
Anh Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1982, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 17/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C trình bày:***

Cha của các ông bà là cụ Nguyễn Văn D, sinh năm 1926 (Chết ngày 12/3/1971) và mẹ là cụ Đặng Thị P1, sinh năm 1929 (Chết ngày 15/9/2014). Cụ D và cụ P1 có 06 người con nhưng người con thứ tư tên Nguyễn Văn L1, đã hy sinh trong chiến tranh, không có vợ, con. Hiện tại, chỉ còn 5 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1950; Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958; Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963; Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 và Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966.

Sinh thời, cụ D và cụ P1 có tạo lập được các thửa đất gồm: Thửa đất số 66, tờ bản đồ 15, diện tích 4236,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp A xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 18, diện tích 1772,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Thửa đất số 231, tờ bản đồ số 17, diện tích 588,4 m<sup>2</sup> và 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 231 tọa lạc tại ấp B xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 11/10/2013, cụ Đặng Thị P1 đã làm thủ tục tặng cho ông Nguyễn Văn T1 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ 15, diện tích 4236,1m<sup>2</sup> tọa lạc ấp 1 xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và thửa đất số 141, tờ bản đồ số 18, diện tích 1772,7m<sup>2</sup> tọa lạc ấp B, P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hiện ông Nguyễn Văn T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất này.

Đối với thửa đất còn lại là thửa đất số 231, tờ bản đồ số 17, diện tích 588,4m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Đặng Thị P1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn chưa được phân chia. Đến ngày 15/9/2014, cụ P1 chết, không để lại di chúc. Khi các anh chị em trong gia đình thỏa thuận phân chia thừa kế đối với thửa đất số 231 và căn nhà trên đất thì ông Nguyễn Văn T1 không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Nay các ông bà khởi kiện yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu xác định thửa đất số 231, tờ bản đồ số 17, diện tích theo đo đạc thực tế là 561,6 m<sup>2</sup> cùng căn nhà và các công trình trên đất tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế do cụ Đặng Thị P1 chết để lại.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 17, diện tích theo đo đạc thực tế là 561,6 m<sup>2</sup> cùng căn nhà và các công trình trên đất làm 05 kỷ phần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1 gồm: Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị C, mỗi người được nhận 01 kỷ phần bằng nhau. Các ông bà yêu cầu mỗi người được nhận 01 kỷ phần bằng giá trị cụ thể: Các ông bà yêu cầu chia giá trị đất theo giá của Chứng thư thẩm định giá số 253/2024/101 ngày 30/10/2024 của Công ty TNHH K. Còn nhà và công trình trên đất gồm: Mái che và hàng rào thì yêu cầu chia giá trị theo giá của Hội đồng định giá đã định giá theo biên bản định giá ngày 14/8/2024.

Các ông bà thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện C. Thống nhất diện tích đất tranh chấp sau khi trừ diện tích mồ mã là:  $561,6 \text{ m}^2 - 23,4 \text{ m}^2 = 538,2 \text{ m}^2$ .

Tại phiên tòa, các đồng nguyên đơn không tranh chấp mà tự nguyện giao căn nhà, mái che và hàng rào trên thửa đất số 231 cho ông Nguyễn Văn T1 quản lý, sử dụng. Đối phần diện tích khu mộ 23,4 m<sup>2</sup>, các nguyên đơn cũng đồng ý giao cho ông T1 quản lý. Các ông bà chỉ yêu cầu chia thửa đất số 231 làm 05 kỷ phần, ông bà xin nhận giá trị theo giá của Chứng thư thẩm định giá số 253/2024/101 ngày 30/10/2024 của Công ty TNHH K.

***\* Theo đơn tường trình ngày 03/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:***

Cha của ông là cụ Nguyễn Văn D, sinh năm 1926 (Liệt sĩ chết ngày 12/3/1971) và mẹ là cụ Đặng Thị P1, sinh năm 1929 (Mẹ Việt Nam anh hùng, chết ngày 15/9/2014). Cụ D và cụ P1 hiện tại còn 05 người con như các nguyên đơn trình bày gồm: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1950; Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958; Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963; Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 và Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966. Sau khi các con lớn lập gia đình riêng, bà P1 có phân chia tài sản như sau:

- Phần đất thứ nhất có diện tích khoảng 1.772 m<sup>2</sup>, cụ P1 cho ông N khoảng 700 m<sup>2</sup>, còn 1.000 m<sup>2</sup> thì cụ P1 cho ông, cộng với 72 m<sup>2</sup> đất do ông mua của ông Nguyễn Văn X1. Sau vài năm, ông N đã bán phần đất 700m<sup>2</sup> cho ông. Ông đã canh tác các phần đất này ổn định cho đến năm 2013 thì cụ P1 đã làm thủ tục sang tên chủ quyền cho ông thửa đất số 141, tờ bản đồ số 18, diện tích 1772,7m<sup>2</sup>.

- Phần đất thứ hai có diện tích khoảng 4.236 m<sup>2</sup>. Cụ P1 cho ông N 1.000 m<sup>2</sup>, bán cho bà Nguyễn Thị T 500m<sup>2</sup>, phần còn lại 2.736 m<sup>2</sup> bà P1 cho ông. Sau vài năm, ông N đã bán phần đất 1.000 m<sup>2</sup> cho bà T. Một thời gian sau, bà T cũng

bán luôn phần đất 1.500 m<sup>2</sup> đó lại cho ông. Đến năm 2013 thì bà P1 đã sang tên chủ quyền cho ông và ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ 15, diện tích 4236,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp A xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Phần đất thứ ba là thửa đất số 231, diện tích 588,4 m<sup>2</sup> có căn nhà thô sơ là nhà thờ cúng ông bà tổ tiên. Ông là con trai út, khi cưới vợ sinh con vẫn ở chung với cụ P1. Đến năm 1993, ông đã bỏ tiền ra xây cất căn nhà cấp 4, hiện căn nhà này do con trai ông là anh Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1982, con dâu là chị Hà Thị Mỹ X và 02 cháu Nguyễn Tuấn P và Nguyễn Hà M sinh sống.

Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý chia thửa đất số 231 trên làm 05 kỷ phần, ông đồng ý nhận đất và hoàn trả giá trị theo giá của Hội đồng định giá đã định vào ngày 14/8/2024. Còn đối với căn nhà và công trình trên đất là do ông bỏ tiền ra xây cất để thờ cúng ông bà, không phải là di sản thừa kế. Ông không đồng ý với giá của Chứng thư thẩm định giá số 253/2024/101 ngày 30/10/2024 của Công ty TNHH K vì giá quá cao.

Ông thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện C. Thống nhất diện tích đất tranh chấp sau khi trừ diện tích mồ mã là: 561,6 m<sup>2</sup> – 23,4 m<sup>2</sup> = 538,2 m<sup>2</sup>.

**\* Bà Nguyễn Thị T2 có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Tuấn L trình bày:**

Bà T2 thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1 như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng. Cụ P1 chết để lại di sản thừa kế là thửa đất số 231, tờ bản đồ số 17, diện tích theo đo đạc thực tế là 561,6 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay bà T2 thống nhất chia thửa đất trên làm 05 kỷ phần, đồng ý giao cho ông T1 nhận đất và ông T1 hoàn trả lại cho các đồng thừa kế kỷ phần giá trị đất, còn căn nhà thì không chia mà giao cho ông T1 quản lý, sử dụng để thờ cúng ông bà. Đối với phần diện tích khu mộ 23,4 m<sup>2</sup> bà T2 cũng không tranh chấp mà giao cho ông T1 quản lý. Trong vụ kiện này, bà T2 chưa yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế của bà mà để sau này bà với ông T1 tự thỏa thuận với nhau.

**\* Theo bản tự khai ngày 11/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tuấn L trình bày:**

Anh đã sống với cụ P1 trên thửa đất số 231 từ nhỏ đến khi cụ P1 già yếu thì anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cụ P1. Đến khi cụ P1 mất thì anh tiếp tục ở trong căn nhà này và thờ cúng ông bà. Nay anh thống nhất theo ý kiến trình bày của ông T1, thửa đất số 231 chia làm 05 kỷ phần theo giá của Hội đồng định giá đã định theo biên bản định giá ngày 14/8/2024. Còn căn nhà và mái che và hàng rào là của ông T1 xây dựng nên không phải chia thừa kế.

Anh thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện C. Thống nhất diện tích đất tranh

chấp sau khi trừ diện tích mồ mã là:  $561,6 \text{ m}^2 - 23,4 \text{ m}^2 = 538,2 \text{ m}^2$ .

Anh không đồng ý với giá của Chứng thư thẩm định giá số 253/2024/101 ngày 30/10/2024 của Công ty TNHH K vì giá quá cao. Anh xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xác định thửa đất số 231, tờ bản đồ số 17, diện tích  $561,6 \text{ m}^2$  tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế do cụ Đặng Thị P1 chết để lại.

- Chia cho ông Nguyễn Văn T1 thửa đất số 231, tờ bản đồ 17, diện tích theo đo đạc thực tế là  $561,6 \text{ m}^2$  tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Đặng Thị P1 đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao căn nhà, mái che và hàng rào trên thửa đất số 231 cho ông Nguyễn Văn T1 quản lý, sử dụng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C mỗi người  $1/5$  giá trị của thửa đất số 231, tờ bản đồ 17, diện tích  $538,2 \text{ m}^2$  tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Mỹ X đã có văn bản trình bày ý kiến và đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Ông N, bà T và bà C không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà, mái che và hàng rào mà tự nguyện giao lại cho ông T1 quản lý để thờ cúng ông bà. Đồng thời, phần diện tích khu mộ  $23,4 \text{ m}^2$ , các nguyên đơn cũng đồng ý giao cho ông T1 quản lý. Các con cháu của bà Đặng Thị P1 được tới lui thăm viếng, cúng giỗ ông bà. Anh L là người đại diện theo ủy quyền của bà T2 cũng thống nhất với ý kiến trên của các đồng nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Xét ông N, bà T và bà C yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Đặng Thị P1 là thửa đất số 231, tờ bản đồ 17, diện tích theo đo đạc thực tế sau khi trừ ra khu mộ là 538,2 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, làm 05 kỷ phần, bà xin nhận 01 kỷ phần bằng giá trị, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Về di sản: Mặc dù, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04215 ngày 04/6/2007 thì thửa đất số 231 trên do Ủy ban nhân dân cấp cho hộ bà Đặng Thị P1. Tuy nhiên, qua trích lục hồ sơ đất đai tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện thửa đất số 231 theo tài liệu 299 là thửa đất số 1434, diện tích 713 m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cá nhân bà Đặng Thị P1 vào ngày 26/01/1995. Các thành viên trong hộ tại thời điểm ngày 04/6/2007 cũng đã có bản khai xác định thửa đất số 231 là của cụ Đặng Thị P1. Tại phiên tòa, các đương sự cũng thống nhất về nguồn gốc thửa đất số 231 là cụ Đặng Thị P1 chết để lại, chưa phân chia thừa kế. Do đó, xác định thửa đất này là di sản của cụ P1 chết để lại theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật dân sự.

3.2. Về hàng thừa kế: Tại Giấy cam kết hàng thừa kế, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C chứng thực ngày 18/6/2024, lời khai của các đương sự đều xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn D và cụ Đặng Thị P1 gồm: Bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C.

Cụ P1 chết năm 2014, để lại di sản là thửa đất số 231, tờ bản đồ 17, diện tích theo đo đạc thực tế là 561,6 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, không để lại di chúc. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất phần diện tích đất tranh chấp là 538,2 m<sup>2</sup> sẽ chia đều cho năm đồng thừa kế, mỗi người được chia 107,64 m<sup>2</sup> đất là nhỏ, khó sử dụng trên thực tế. Do đó, các đồng thừa kế đã thống nhất, ông T1 là người nhận đất và hoàn trả lại 1/5 giá trị đất cho các đồng thừa kế. Đối với phần diện tích khu mộ 23,4 m<sup>2</sup> các đương sự cũng không tranh chấp mà thống nhất giao cho ông T1 quản lý. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận thống nhất về việc phân chia di sản thừa kế và việc thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền đám tang, tiền ma chay, tiền cúng giỗ ông bà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét giá trị tài sản tranh chấp: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì giá trị tài sản có 02 kết quả là biên bản định giá ngày 14/8/2024 của Hội đồng định giá và chứng thư thẩm định giá số 253/2024/101 ngày 30/10/2024 của Công ty TNHH K. Các nguyên đơn yêu cầu chia kỷ phần thừa kế theo giá của chứng thư thẩm định giá ngày 30/10/2024. Hội đồng xét xử thấy rằng: Kết quả định giá theo biên bản định giá ngày 14/8/2024 đến nay đã quá 06 tháng, giá trị tài sản không còn phù hợp với thời điểm hiện tại. Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng giá của chứng thư thẩm định giá là cao nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ thể hiện giá của chứng thư không phù hợp và không có yêu cầu định giá lại. Đồng thời tại phiên tòa, các nguyên đơn đồng ý trường hợp ông T1 không nhận đất thì các nguyên đơn sẽ nhận đất và hoàn trả lại giá trị đất theo giá của chứng thư thẩm định. Bị đơn ông T1 cũng thống nhất nhận đất nếu Tòa án chấp nhận giá của chứng thư định giá. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào giá của chứng thư thẩm định giá số 253/2024/101 ngày 30/10/2024 để phân chia tài sản tranh chấp, cụ thể: Thửa đất số 231, diện tích tranh chấp 538,2 m<sup>2</sup> có giá trị là 1.060.000.000 đồng, mỗi kỷ phần có giá trị: 1.060.000.000 đồng : 5 = 212.000.000 đồng.

Do các bên đương sự thống nhất giao đất cho ông Nguyễn Văn T1 quản lý, sử dụng nên ông T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C mỗi người 01 kỷ phần thừa kế với số tiền là 212.000.000 đồng. Trong vụ án này, bà T2 chưa yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế của mình và không có đơn yêu cầu chia thừa kế nên Hội đồng xét xử tạm giao kỷ phần của bà T2 cho ông T1 quản lý. Nếu sau này, bà T2 có phát sinh tranh chấp với ông T1 về kỷ phần mà bà T2 được nhận thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn đã nộp chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 14.985.000 đồng. Trong vụ kiện này, ông N, bà T, bà C và ông T1 mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế nên mỗi người phải chịu phần chi phí tương ứng với tỷ lệ kỷ phần mình nhận theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đồng nguyên đơn đã nộp chi phí xong nên buộc bị đơn phải trả cho các nguyên đơn số tiền là 3.746.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông N, bà T, bà C và ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Tuy nhiên, ông N, bà T và ông T1 là người cao tuổi, có đơn miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, khoản 2 Điều 468, các Điều 609, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C.

1.1. Xác định thửa đất số 231, tờ bản đồ số 17, diện tích 561,6 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế do cụ Đặng Thị P1 chết để lại và chia thừa kế theo pháp luật như sau:

1.2. Chia cho ông Nguyễn Văn T1 thửa đất số 231, tờ bản đồ 17, diện tích theo đo đạc thực tế 561,6 m<sup>2</sup> (Trong đó có 300m<sup>2</sup> là đất ở nông thôn và 261,6m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm, trên đất có 02 mộ xi măng và 03 mộ đất) tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Đặng Thị P1 đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng (Có sơ đồ kèm theo). Phần đất diện tích 561,6 m<sup>2</sup> có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp thửa đất số 229 và 228;
- Phía Tây: Giáp đường Đ sông P;
- Phía Nam: Giáp thửa đất số 268;
- Phía Bắc: Giáp thửa đất số 232.

Ông Nguyễn Văn T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

1.3. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C mỗi người 01 kỷ phần thừa kế với số tiền là 212.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị T2 có giá trị 212.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T1 quản lý.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T2 giao cho ông Nguyễn Văn T1 quản lý, sử dụng công trình trên thửa đất số 231 gồm:

- Căn nhà trước có diện tích 130,64 m<sup>2</sup>, kết cấu: Mái tôn, kèo gỗ, cột BTCT, vách tường, có trần, nền lát gạch ceramic 400 x 400, có khu phụ.

- Nhà sau có diện tích 69 m<sup>2</sup>, kết cấu: Mái tôn, kèo gỗ, cột BTCT, vách tường + tôn, nền gạch tàu + xi măng.

- Mái che có kết cấu: Mái tôn, kèo gỗ, cột BTCT, nền gạch tàu + xi măng, không vách.

- Hàng rào: Móng cột BTCT, tường gạch trên lưới B40.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C số tiền 3.746.000 đồng.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 10.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002834 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên bà C phải nộp thêm số tiền là 9.350.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 03 tháng 4 năm 2025. Có mặt ông N, bà T, bà C, ông T1, anh L. Vắng mặt chị X.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Mỹ Nhanh**